



CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỲ
CENTURY SYNTHETIC FIBER CORPORATION

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 245-13/CVTK

Tp.HCM, ngày 30 tháng 08 năm 2013

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Công ty đại chúng: **Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ**

- Tên giao dịch: CENTURY CORP
- Địa chỉ trụ sở chính: B1-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP. HCM
- Điện thoại: (84-8) 3790 7565 Fax: (84-8) 3790 7566
- Vốn điều lệ: 315.425.840.000 đồng
- Nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Đông Á (Hội Sở)
- Số hiệu tài khoản: 000149960001 (VNĐ)
- Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh
- Giấy đăng ký kinh doanh số 4103003288 cấp lần đầu ngày 11/04/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp và thay đổi lần thứ 10 số 0302018927 cấp ngày 19/07/2013.
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:
 - Sản xuất sợi tơ tổng hợp; Dệt kim.
- Sản phẩm, dịch vụ chính: Sợi DTY, sợi POY
- Tổng mức vốn kinh doanh (Thời điểm 30/06/2013): 453.105.480.990 đồng

2. Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06-2012/NQ-ĐHCĐ/TK ngày 29/3/2012 thông qua việc mua lại cổ phiếu phát hành cho cán bộ công nhân viên năm 2010 (cổ phiếu ESOP) làm cổ phiếu quỹ đối với nhân viên nghỉ việc. Công ty xin thông báo việc mua lại cổ phiếu của nhân viên nghỉ việc làm cổ phiếu quỹ với nội dung sau:

- Mã chứng khoán: CEN
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Tổng số cổ phiếu quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 483.906 cổ phần
- Tổng số lượng đăng ký mua lại: 7.328 cổ phần
- Mục đích: Mua lại cổ phiếu phát hành cho người lao động (chương trình ESOP năm 2010) do nhân viên nghỉ việc để làm cổ phiếu quỹ.
- Nguồn vốn mua lại: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- Thời gian dự kiến giao dịch: từ ngày 17/9/2013 đến ngày 16/10/2013
- Phương thức giao dịch: thỏa thuận không qua sàn giao dịch
- Nguyên tắc xác định giá: 10.000 đồng/ cổ phần
- Tên công ty chứng khoán được ủy quyền thực hiện giao dịch: không có



Chúng tôi đảm bảo những thông tin trên đây là đúng sự thật và cam kết tuân thủ các quy định hiện hành. *had*

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ
 - Bảng Cân đối kế toán
- đến ngày 30/06/2013 đã kiểm toán



ĐẶNG TRIỆU HÒA





Số: 06-2012/NQ-ĐHCĐ/TK

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2012 CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỶ

V/v: Thông qua Tờ trình mua lại cổ phiếu phát hành cho cán bộ công nhân viên
năm 2010 làm cổ phiếu quỹ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp Số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Luật Chứng khoán được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ;
- Nội dung và kết quả họp Đại hội Cổ đông thường niên 2012 Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ.

Đại hội cổ đông thường niên 2012 của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ được tổ chức tại Phòng họp lầu 7, khách sạn Windsor Plaza, 18 An Dương Vương, Q.5, TP.HCM ngày 29/3/2012 với tổng số 27 cổ đông dự trực tiếp và ủy quyền, đại diện cho 21.467.623 cổ phần bằng 95,35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 22.515.234 cổ phần):

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Tờ trình mua lại cổ phiếu phát hành cho cán bộ công nhân viên năm 2010 (cổ phiếu ESOP) làm cổ phiếu quỹ đối với cán bộ công nhân viên nghỉ việc.

Điều 2: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội.

TP.HCM, ngày 29/03/2012

TM. ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Triệu Hòa





Số: D.1-2011/QĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2007;
- Căn cứ vào Thông tư số 18/2007/TT-BTC v/v Hướng dẫn việc mua, bán lại cổ phiếu và một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu của công ty đại chúng;
- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02-2010/QĐ-ĐHCĐ.VTK về việc phát hành cổ phiếu thường, phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên có chọn lựa năm 2010;
- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 13/09/2010 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ.

Điều 1: Thông qua cơ chế Phát hành cổ phiếu cho Cán bộ công nhân viên, cụ thể như sau:

1. Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mã cổ phiếu: CEN
4. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
5. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần
6. Số lượng cổ phiếu phát hành: Khoảng 367.360 cổ phần (ba trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi cổ phần)
7. Tổng trị giá phát hành theo mệnh giá: Khoảng 3.673.600.000 đồng (ba tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn)
8. Đối tượng phát hành: Cán bộ công nhân viên có chọn lọc, những người có đóng góp cho sự phát triển của Công ty và có gắn bó lâu dài với Công ty kèm theo Danh sách đính kèm đã được Hội đồng Quản trị thông qua. Tiêu chí lựa chọn cán bộ công nhân viên bao gồm:
 - Hệ số: 196 cổ phiếu/1 hệ số
 - Mức độ thâm niên: Tính đến hết tháng 10/2010.
 - o CBCNV có thời gian làm việc từ 3 tháng đến dưới 1 năm (Đối với CBCNV Khối Văn phòng có thời gian làm việc dưới 1 năm) được tính hệ số 1,
 - o CB-CNV có thời gian làm việc từ 1 năm trở lên được tính hệ số 2,
 - o CB-CNV có thời gian làm việc từ 2 năm trở lên được tính hệ số 3,
 - o CB-CNV có thời gian làm việc từ 3 năm trở lên được tính hệ số 4,
 - o CB-CNV có thời gian làm việc từ 4 năm trở lên được tính hệ số 5,





- o CB-CNV có thời gian làm việc từ 5 năm trở lên được tính hệ số 6,
 - Hiệu quả và Thái độ làm việc: Dựa trên đánh giá của cấp quản lý trực tiếp:
 - o CB-CNV đạt loại A, được tính hệ số 4
 - o CB-CNV đạt loại B và C, được tính hệ số 2
 - o CB-CNV đạt loại D, được tính hệ số 0
 - Chức vụ: Dựa trên vị trí chức danh CB-CNV đang giữ:
 - o Tổ trưởng/ Trưởng ca được tính hệ số 1,
 - o Trưởng ngành/ Trưởng BP/ Trợ lý hiện trường được tính hệ số 2,
 - o Phó Giám đốc/ Trưởng phòng/ Trưởng ban/ Quản đốc được tính hệ số 3,
 - o TL TGD/ Giám đốc/ TB ISO/ Phụ tá TGD/ PGĐ TQL - CC được tính hệ số 4,
 - o Phó Tổng Giám đốc được tính hệ số 6.
9. Điều kiện hạn chế chuyển nhượng: CBCNV được mua cổ phiếu trong đợt này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm với các điều kiện cụ thể như sau:
- Làm việc dưới 01 năm kể từ ngày mua cổ phiếu, nếu nghỉ, CBCNV có nghĩa vụ bán lại cho Công ty 100% số lượng cổ phiếu đã mua với mức giá bằng với giá Công ty đã chào bán.
 - Làm việc hết 01 năm kể từ ngày mua cổ phiếu, nếu nghỉ, CBCNV có nghĩa vụ bán lại cho Công ty 80% số lượng cổ phiếu đã mua với mức giá bằng mức giá công ty đã chào bán. Số còn lại CBCNV được tự do chuyển nhượng. Số lượng 20% cổ phiếu còn lại, CBCNV được tự do chuyển nhượng.
 - Làm việc hết 02 năm kể từ ngày mua cổ phiếu, nếu nghỉ, CBCNV có nghĩa vụ bán lại 50% số lượng cổ phiếu đã mua với mức giá bằng giá công ty đã chào bán. Số 50% cổ phiếu còn lại CBCNV được tự do chuyển nhượng.
 - Nếu làm việc hết 3 năm kể từ ngày mua cổ phiếu, CBCNV được tự do chuyển nhượng 100% số cổ phiếu đã mua.



Trong thời gian sở hữu cổ phiếu, CBCNV được hưởng các quyền lợi liên quan của cổ đông như quyền hưởng cổ tức và các quyền khác của người sở hữu cổ phiếu.

10. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành này: Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh

Điều 2: Căn cứ vào Điều 1, thông qua số lượng Cán bộ công nhân viên đáp ứng các yêu cầu mua cổ phiếu theo danh sách đính kèm theo Quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng Nhân sự
- Trợ lý TGD phụ trách Quan hệ Nhà đầu tư

Lưu Văn phòng Tổng Giám đốc



ĐẶNG TRIỆU HÒA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2013

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		405.589.124.178	312.433.587.543
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	124.473.928.426	24.098.834.109
111	1. Tiền		38.337.928.426	16.098.834.109
112	2. Các khoản tương đương tiền		86.136.000.000	8.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		75.002.232.389	84.652.713.008
131	1. Phải thu khách hàng	5	68.829.652.349	83.415.923.765
132	2. Trả trước cho người bán		1.935.898.445	824.445.981
135	3. Các khoản phải thu khác		4.236.681.595	412.343.262
140	III. Hàng tồn kho	6	195.053.614.857	194.751.638.645
141	1. Hàng tồn kho		196.332.755.747	194.751.638.645
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.279.140.890)	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		11.059.348.506	8.930.401.781
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.170.888.112	1.072.914.354
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.113.613.820	7.751.340.119
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	7.978.362
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		1.774.846.574	98.168.946
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		665.685.351.796	704.144.686.663
210	I. Phải thu dài hạn		500.000.000	800.000.000
218	1. Phải thu dài hạn khác		500.000.000	800.000.000
220	II. Tài sản cố định		620.247.506.033	659.630.526.845
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	505.238.833.189	539.989.498.381
222	Nguyên giá		738.546.754.682	739.481.119.568
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(233.307.921.493)	(199.491.621.187)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	8	92.786.313.498	98.904.092.415
225	Nguyên giá		122.355.578.248	122.355.578.248
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(29.569.264.750)	(23.451.485.833)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	10.313.553.643	8.439.139.346
228	Nguyên giá		13.594.039.674	10.511.383.594
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(3.280.486.031)	(2.072.244.248)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	11.908.805.703	12.297.796.703
260	III. Tài sản dài hạn khác		44.937.845.763	43.714.159.818
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	38.687.751.357	36.947.407.564
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.2	991.094.406	866.804.694
268	3. Tài sản dài hạn khác		5.259.000.000	5.899.947.560
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.071.274.475.974	1.016.578.274.206

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2013

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		618.168.994.984	547.330.639.970
310	I. Nợ ngắn hạn		368.971.680.663	267.042.427.605
311	1. Vay ngắn hạn	12	81.958.443.744	36.751.094.894
312	2. Phải trả người bán		250.815.207.997	192.008.783.325
313	3. Người mua trả tiền trước		8.141.667.997	7.424.116.587
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			
		13	11.207.628.414	13.060.147.961
315	5. Phải trả người lao động		6.483.946.909	3.500.154.795
316	6. Chi phí phải trả	14	5.721.576.535	4.964.569.172
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		2.112.173.121	1.555.954.441
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.531.035.946	7.777.606.430
330	II. Nợ dài hạn		249.197.314.321	280.288.212.365
333	1. Phải trả dài hạn khác		370.001.209	372.055.917
334	2. Vay và nợ dài hạn	15	248.827.313.112	279.916.156.448
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		453.105.480.990	469.247.634.236
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.1	453.105.480.990	469.247.634.236
411	1. Vốn cổ phần		315.425.840.000	274.914.910.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	40.145.500.800
414	3. Cổ phiếu ngân quỹ		(11.753.620.000)	(11.753.620.000)
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		1.219.011.000	1.219.011.000
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		148.214.249.990	164.721.832.436
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.071.274.475.974	1.016.578.274.206

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	30 tháng 6 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
Ngoại tệ: Đô la Mỹ (US\$)	1.520.730	680.296



Người lập
Lê Thị Mộng Tuyền

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Ngày 26 tháng 8 năm 2013